

II GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 6

1. Quan điểm biên soạn

1.1. Quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn Trung học cơ sở

- SGK Ngữ văn Trung học cơ sở, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, được biên soạn theo mô hình SGK phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, với hệ thống VB được kết nối chặt chẽ trên cả trục chủ đề và trục thể loại, HS được phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học cũng như các năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đồng thời, SGK cũng bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chủ yếu được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đặc biệt là những phẩm chất gắn với đặc thù của môn Ngữ văn như: lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu quê hương đất nước.

- Sách chủ trương dạy học tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe trong cùng một bài học; tích hợp dạy học kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn học với hoạt động đọc, viết, nói và nghe; tích hợp kiến thức ngôn ngữ, văn học với kiến thức về văn hoá, khoa học, nghệ thuật bảo đảm mục tiêu phát triển hiệu quả các năng lực và phẩm chất của người học.

- Sách trình bày tường minh các yêu cầu cần đạt của bài học và hướng dẫn các hoạt động một cách cụ thể, hệ thống nhằm phát huy cao nhất khả năng tự học của HS. Đồng thời với độ mở khá rộng, sách khơi gợi khả năng sáng tạo cho người sử dụng.

1.2. Quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn 6

Tuân thủ quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn Trung học cơ sở nói chung, nhưng sách Ngữ văn 6 có một số định hướng riêng, do lứa tuổi lớp 6 đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp quan trọng trong quá trình trưởng thành của HS. Các em vừa hoàn thành chương trình cấp Tiểu học và đang thích ứng dần với yêu cầu học tập ở một cấp học mới. Với môn Ngữ văn, sự chuyển tiếp quan trọng nhất thể hiện ở chỗ HS chuyển từ yêu cầu biết đọc, viết, nói và nghe ở mức độ căn bản sang yêu cầu biết phân biệt rõ các thể loại, loại VB (gọi chung là thể loại) để đọc, viết, nói và nghe theo mô hình do thể loại quy định. SGK Ngữ văn 6 thiết kế hệ thống bài học theo các chủ đề, lựa chọn ngữ liệu và hướng dẫn quy trình dạy học đọc, viết, nói và nghe theo cách phù hợp với đặc điểm nhận thức, tâm lí của HS. Sách cũng chú trọng giúp HS xác định rõ hơn yêu cầu của bài học, cách thức giải quyết các nhiệm vụ của bài học trong từng hoạt động cụ thể, để học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo.

2. Những điểm mới cơ bản của SGK Ngữ văn 6

SGK Ngữ văn 6 tiếp cận mô hình SGK Ngữ văn của các nước phát triển. Cách lựa chọn các yêu cầu cần đạt (chuẩn cần đạt) của chương trình để cài đặt thành các yêu cầu cần đạt của từng bài học; cách triển khai các hoạt động dạy học nhằm đạt được yêu cầu mà bài học đề ra; cách khai thác ngữ liệu và kiến thức ngữ văn với mục đích phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học của người học,... đều có dấu ấn của kinh nghiệm quốc tế, nhất là từ các nước như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Ô-xtrây-li-a, Hàn Quốc, Xinh-ga-po,... SGK Ngữ văn 6 đồng thời cũng là kết quả kế thừa kinh nghiệm và thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu, biên soạn SGK và dạy học Ngữ văn của Việt Nam trong những thập niên qua, trong đó có kinh

nghiệm thiết kế bài học tích hợp và sắp xếp cụm bài học theo thể loại, loại VB. Sau đây là những điểm mới cơ bản của SGK *Ngữ văn 6* kết tinh từ cả kinh nghiệm, thành tựu biên soạn SGK *Ngữ văn* của quốc tế và Việt Nam.

2.1. Hệ thống bài học được sắp xếp theo hệ thống chủ đề và thể loại, loại VB, bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực của HS

Ngữ văn 6 gồm có 10 bài học. Tên bài thể hiện phần nào chủ đề (trừ bài 10 là một dự án đọc sách). Các VB được lựa chọn làm ngũ liệu trong mỗi bài vừa có nội dung gắn với chủ đề vừa có đặc điểm của thể loại, loại VB trọng tâm của bài đó. Cụ thể: bài 1. *Tôi và các bạn* (thể loại chính: truyện); bài 2. *Gõ cửa trái tim* (thể loại chính: thơ); bài 3. *Yêu thương và chia sẻ* (thể loại chính: truyện); bài 4. *Quê hương yêu dấu* (thể loại chính: thơ); bài 5. *Những nẻo đường xúi sở* (thể loại chính: du ký); bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng* (thể loại chính: truyền thuyết); bài 7. *Thế giới cổ tích* (tập trung vào truyện cổ tích); bài 8. *Khác biệt và gần gũi* (loại VB chính: nghị luận); bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung* (loại VB chính: VB thông tin); bài 10. *Cuốn sách tôi yêu* (dự án đọc sách). Hệ thống chủ đề trong cả bộ sách được sắp xếp từ gần gũi (bản thân, gia đình, bè bạn: *Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim*) đến rộng lớn (xã hội, quê hương, đất nước: *Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xúi sở*); từ những câu chuyện đời xưa (*Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích*) đến những vấn đề của cuộc sống hiện tại (*Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung*). Mỗi chủ đề bao quát một phạm vi đời sống đủ rộng, phù hợp với khả năng, nhu cầu nhận thức của HS và có thể giúp các em hình thành, phát triển những phẩm chất cần thiết. Chẳng hạn, trong bài 1. *Tôi và các bạn*, hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế gắn với các VB có chung đề tài là tình bạn giữa những nhân vật đang trong quá trình trải nghiệm cuộc sống để trưởng thành, gồm: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài), *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé* của Ăng-toan đơ Xanh-tô É-xu-pe-ri), *Bắt nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh), *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô* của Nguyễn Nhật Ánh). Qua việc đọc các VB cũng như viết, nói và nghe về những gì được gợi ra từ VB, HS được bồi dưỡng tình yêu thương, lòng trắc ẩn, đức khiêm tốn, thái độ chan hoà,... Ở bài 5. *Những nẻo đường xúi sở*, từ hoạt động đọc hiểu các VB *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), *Hang Én* (Hà My), *Cửu Long Giang ta ơi* (Nguyễn Hồng), *Nghìn năm tháp Khuông Mỹ* (Lam Linh), HS có được những trải nghiệm phong phú về các vùng miền của đất nước với những vẻ đẹp đa dạng; được viết, nói và nghe về những nội dung có sự kết nối ở những mức độ khác nhau với VB đọc. Từ đó, các em thêm yêu và tự hào về quê hương đất nước.

SGK *Ngữ văn 6* có hệ thống thể loại và loại VB rất đa dạng, đủ đáp ứng các yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, được phân bố, đan xen hợp lí. Sau khi được đọc VB thuộc các thể loại, loại: truyện, thơ, kí, truyện dân gian, VB nghị luận, VB thông tin, HS có cơ hội vận dụng tổng hợp vốn sống, trải nghiệm cũng như kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được tích luỹ, rèn luyện trong cả năm học vào một dự án giàu tính trải nghiệm, được chọn đọc những cuốn sách yêu thích, luyện viết và sáng tạo những sản phẩm mang đậm dấu ấn cá nhân của mỗi em.

Cách thiết kế các bài học vừa dựa vào chủ đề vừa dựa vào thể loại, loại VB có những ưu thế sau: 1) Hệ thống chủ đề tạo sự kết nối về đề tài, nội dung giữa các VB trong một bài và giữa các bài, thuận lợi cho mục tiêu phát triển vốn sống, trải nghiệm cho HS ở độ tuổi lớp 6

nói riêng và Trung học cơ sở nói chung, góp phần bồi dưỡng tình cảm, phẩm chất cho người học; 2) Hệ thống thể loại, loại VB tạo được mô hình đọc hiểu và viết, ở mức độ nào đó là cả nói và nghe, giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học một cách hiệu quả. Nhờ đó, SGK *Ngữ văn 6* bảo đảm các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được kết nối chặt chẽ với nhau và với các nội dung dạy học nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS theo cách hiệu quả nhất.

Bên cạnh phẩm chất và năng lực đặc thù, *Ngữ văn 6* còn hướng tới mục tiêu phát triển năng lực chung cho HS. Tất cả các bài học đều có nội dung kết nối với cuộc sống, đặt ra những vấn đề đòi hỏi HS phải có chủ kiến, biết suy nghĩ, tìm tòi các giải pháp phù hợp với khả năng của các em. Các hoạt động được thiết kế trong các bài học giúp HS phát triển khả năng tự học, tạo điều kiện cho HS trao đổi nhóm, thảo luận và trình bày ý kiến, cảm xúc một cách cởi mở. Như vậy, không chỉ các phẩm chất và năng lực đặc thù mà các năng lực chung của HS cũng được phát triển hài hoà trong quá trình học tập.

2.2. Mỗi bài học được thiết kế theo mạch các hoạt động đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS

Trong mỗi bài học, các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế liền mạch và kết nối chặt chẽ với nhau. Hoạt động đọc giúp HS nắm được nội dung VB, đặc điểm thể loại, loại VB, huy động vốn sống, trải nghiệm để hiểu VB. Với những kiến thức, kĩ năng, vốn sống, trải nghiệm có được từ việc đọc, HS được hướng dẫn viết một kiểu VB theo một quy trình cụ thể, bài bản. Hoạt động nói và nghe được tổ chức trên cơ sở sản phẩm của hoạt động viết hoặc đọc. Như vậy, *Ngữ văn 6* lấy hoạt động đọc làm cơ sở, cung cấp chất liệu, phương tiện cho các hoạt động viết, nói và nghe. Đây là một điểm nhấn quan trọng của *Ngữ văn 6*.

Để HS có thể đóng vai trò tích cực và chủ động trong quá trình đọc, ở phần mở đầu bài học, *Ngữ văn 6* thiết kế mục *Tri thức ngữ văn* nhằm giúp HS có được những hiểu biết căn bản về thể loại, loại VB để đọc hiểu theo đặc điểm, yêu cầu đối với mỗi thể loại, loại VB. Từ đó, HS biết cách đọc VB thuộc từng thể loại, loại VB và phát triển năng lực đọc hiểu. Ngoài kiến thức về văn học, mục *Tri thức ngữ văn* còn trang bị cho HS kiến thức về tiếng Việt để hiểu được cách tác giả biểu đạt ý tưởng và thông tin. Đặc biệt, nhiều VB đọc trong *Ngữ văn 6* đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Việc trang bị các kiến thức về tiếng Việt góp phần giúp HS có được công cụ hữu hiệu để “giải mã” những nét đặc sắc về hình thức biểu đạt của VB. Sau khi được trang bị tri thức ngữ văn, HS tham gia vào tiến trình đọc gồm 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. *Trước khi đọc* có mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. *Trong khi đọc* gắn với các chiến lược đọc phù hợp đối với từng VB cụ thể như theo dõi, tưởng tượng, dự đoán, suy luận,... giúp HS xác định và vận dụng những thao tác tư duy phù hợp trong quá trình đọc để nắm bắt kịp thời những chi tiết quan trọng về hình thức và nội dung của VB, làm cơ sở để giải quyết nhiệm vụ sau khi đọc. *Sau khi đọc* gồm các câu hỏi được phân chia theo cấp độ nhận thức, từ *nhận biết* đến *phân tích, suy luận và đánh giá, vận dụng*. Những câu hỏi này không chỉ hướng dẫn HS đọc hiểu chính VB vừa đọc mà còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực đọc cho HS thông qua việc giúp các em định hình cách đọc một thể loại, loại VB.

Trong *Ngữ văn 6*, hoạt động viết được thực hiện ở 2 phần: *Viết kết nối với đọc* và *Viết bài theo kiểu VB*. *Viết kết nối với đọc* được đặt ngay sau các câu hỏi đọc hiểu ở mỗi VB đọc chính trong bài. Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc, tạo cơ hội cho HS được luyện viết thường xuyên với yêu cầu đơn giản, nhẹ nhàng, từ đó giúp các em có thói quen, kĩ năng và hứng thú viết. *Viết bài theo kiểu VB* là một nội dung quan trọng của bài học, có chỉ dẫn cụ thể về quy trình viết các kiểu VB theo yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình. Quy trình này được thiết kế chi tiết, hướng dẫn HS thực hiện từng bước để đạt đến sản phẩm cuối cùng: xác định kiểu VB viết và các yêu cầu đối với kiểu VB đó; phân tích bài viết tham khảo; triển khai viết theo các bước: xác định đề tài, mục đích viết và người đọc, tìm ý và lập dàn ý, kiểm tra và chỉnh sửa bài viết. Quy trình xử lý thông tin, phân tích ý tưởng, vận dụng ngôn ngữ để truyền đạt thông tin, biểu đạt ý tưởng và tổ chức ngôn ngữ theo đặc trưng kiểu bài viết cụ thể đều được trình bày rõ ràng để HS có thể thực hành theo hướng dẫn. Việc thực hành viết tuân thủ các yêu cầu đối với từng kiểu VB và dựa trên bài viết tham khảo sẽ giúp HS nắm vững mô hình VB viết và hình dung được cụ thể mô hình đó qua một VB cụ thể, tránh được lối viết tuỳ tiện. Tuy vậy, cách dạy viết này hoàn toàn khác với dạy viết “theo văn mẫu” thường bị chỉ trích lâu nay. Trong khi viết “theo văn mẫu”, HS sao chép đến cả chất liệu, ý tưởng thì cách dạy viết trong sách *Ngữ văn 6* chỉ cho HS tham khảo cấu trúc của bài viết (một VB được viết ra nhằm một mục đích giao tiếp nhất định thì phải có đặc điểm cấu trúc của một kiểu VB tương ứng), còn đề tài của bài viết là mới, vì vậy, chất liệu, ý tưởng phải là của chính các em.

Hoạt động nói và nghe tập trung vào việc trình bày một nội dung dựa trên kết quả của hoạt động viết hoặc đọc. Bằng cách đó, HS được nói và nghe, thảo luận, trao đổi và tương tác trên cơ sở những gì mình đã viết hoặc đọc. *Ngữ văn 6* thiết kế các hoạt động nói và nghe theo một quy trình tỉ mỉ và chặt chẽ; đặt ra yêu cầu HS phải xác định được mục đích nói và người tiếp nhận, phải tuân thủ các bước từ chuẩn bị nội dung nói và tập luyện đến trình bày bài nói và trao đổi về bài nói. *Ngữ văn 6* quan tâm tổ chức dạy học kĩ năng nói và nghe cho HS vì nó không chỉ tạo cơ hội cho các em phát triển năng lực giao tiếp mà còn góp phần phát triển hiệu quả năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở người học.

2.3. Kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được hình thành, vận dụng, củng cố thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; khả năng tích hợp liên môn giữa Ngữ văn với các môn học khác cũng được chú ý khai thác trong các bài học của *Ngữ văn 6*

Ngữ văn 6 không thiết kế những bài học độc lập, riêng biệt để dạy học kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt. Như đã nêu trên, kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được trình bày trong phần *Tri thức ngữ văn*, được coi là công cụ để HS đọc hiểu. Đó là những kiến thức cơ bản, thiết yếu được lựa chọn và trình bày theo yêu cầu đọc hiểu được quy định trong chương trình, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo lô-gíc của khoa học nghiên cứu văn học. Phần *Thực hành tiếng Việt* sắp xếp sau hoạt động đọc hiểu VB tạo cơ hội cho HS vận dụng các kiến thức tiếng Việt để nhận biết và phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ trong biểu đạt ý nghĩa, qua đó có thể đọc hiểu VB tốt hơn. Đồng thời, HS cũng có thể vận dụng các kiến thức tiếng Việt đó để viết, từ viết đoạn ngắn đến viết một VB trọn vẹn. Việc đặt *Thực hành tiếng Việt* ở cuối hoạt động đọc (có thể coi thuộc hoạt động đọc), tiếp theo đó là viết, nói và nghe về những vấn đề được gợi ra từ VB đọc cho thấy rõ định hướng

tổ chức dạy học tiếng Việt của *Ngữ văn 6* nhất quán theo quan điểm dạy học ngôn ngữ bám sát ngữ cảnh (Teaching language in context) nhưng vẫn bảo đảm tính hệ thống tương đối của kiến thức ngôn ngữ. Đó cũng là cách dạy học ngôn ngữ trong môn Ngữ văn mà các nước phát triển đã áp dụng từ nhiều thập niên qua.

Ngữ văn 6 không chỉ mở ra cánh cửa vào thế giới của ngôn ngữ và văn học với các VB truyện, thơ, kí giàu tính thẩm mĩ, các VB nghị luận chặt chẽ, sinh động, các VB thông tin chứa đựng nhiều kiến thức bổ ích, hấp dẫn, mà còn tạo điều kiện cho GV và HS có thể vận dụng những kênh thông tin khác nhau, những hiểu biết về các loại hình nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học,... để tổ chức các hoạt động dạy học một cách sinh động. Cách thiết kế *Ngữ văn 6* bảo đảm không gian sáng tạo văn học và nghệ thuật cho cả thầy và trò.

2.4. Mục tiêu phát triển hứng thú, thói quen, kĩ năng tự đọc sách của HS được đặc biệt chú trọng

Ngoài hoạt động đọc mở rộng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, *Ngữ văn 6* thiết kế mục *Thực hành đọc* sau phần *Củng cố, mở rộng* của mỗi bài học. *Thực hành đọc* cung cấp VB cùng thể loại, loại VB và cùng chủ đề với những VB đọc chính trong bài để HS có cơ hội vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học trong việc đọc một VB mới. Trước mỗi VB thực hành đọc có một số gợi ý, hướng dẫn (SBT có câu hỏi và gợi ý trả lời câu hỏi cho VB thực hành đọc. Nhờ đó, HS có thể tự kiểm tra kết quả đọc hiểu của mình). Qua nhiều lần thực hành đọc ở các bài, HS tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập. Đặc biệt, bài 10. *Cuốn sách tôi yêu* được thiết kế dưới hình thức dự án dạy học Ngữ văn, dành thời gian để HS có thể đọc các tác phẩm tự chọn, viết, vẽ sáng tạo, trình bày và giới thiệu sản phẩm nghệ thuật (kết quả của hoạt động đọc, viết). Hoạt động học tập môn Ngữ văn được đa dạng hóa, trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, qua đó HS có thể bộc lộ, phát triển cá tính, sở trường một cách tích cực.

3. Cấu trúc sách và các bài học

3.1. Cấu trúc sách

Ngữ văn 6 được thiết kế trước hết xuất phát từ yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Các yêu cầu cần đạt này là cơ sở để xây dựng yêu cầu cần đạt của mỗi bài học. Đến lượt mình, yêu cầu cần đạt của mỗi bài học quy định tất cả nội dung dạy học trong SGK. *Ngữ văn 6* được tổ chức thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết), tập hai dành cho học kì II (17 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết).

TẬP MỘT

Ngữ văn 6, tập một có 5 bài học, được thiết kế theo hệ thống chủ đề với các VB thuộc thể loại truyện, thơ và du ký: bài 1. *Tôi và các bạn*; bài 2. *Gõ cửa trái tim*; bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*; bài 4. *Quê hương yêu dấu*; bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*. Ngoài ra, có *Lời nói đầu* và *Hướng dẫn sử dụng sách* đặt ở đầu sách; *Bảng tra cứu thuật ngữ*, *Bảng giải thích một số thuật ngữ* đặt ở cuối sách.

Sự phối hợp thống nhất giữa yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học được cụ thể hóa trong 5 bài học của *Ngữ văn 6*, tập một như sau:

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
1. TÔI VÀ CÁC BẠN	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ VB 1: <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> (trích <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i>, Tô Hoài) ■ VB 2: <i>Nếu cậu muốn có một người bạn...</i> (trích <i>Hoàng tử bé</i>, Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri) ■ VB 3: <i>Bắt nạt</i> (Nguyễn Thế Hoàng Linh) ■ VB thực hành đọc: <i>Những người bạn</i> (trích <i>Tôi là Bé-tô</i>, Nguyễn Nhật Ánh) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Truyện và truyện đồng thoại ■ Cốt truyện ■ Nhân vật ■ Người kể chuyện ■ Lời người kể chuyện và lời nhân vật ■ Từ đơn và từ phức 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất. ■ Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. ■ Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB. ■ Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; biết viết bài văn bảo đảm các bước. ■ Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. ■ Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
2. GỖ CỦA TRÁI TIM	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ VB 1: <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> (Xuân Quỳnh) ■ VB 2: <i>Mây và sóng</i> (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go) ■ VB 3: <i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Ta Duy Anh) ■ VB thực hành đọc: <i>Những cánh buồm</i> (Hoàng Trung Thông) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Một số đặc điểm của thơ ■ Ẩn dụ 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. ■ Nhận biết được ẩn dụ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ. ■ Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. ■ Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống. ■ Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

<p>3. YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ</p>	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ VB 1: <i>Cô bé bán diêm</i> (Han Cri-xti-an An-dec-xen) ■ VB 2: <i>Gió lạnh đầu mùa</i> (Thạch Lam) ■ VB 3: <i>Con chào mào</i> (Mai Văn Phấn) ■ VB thực hành đọc: <i>Lắc-kì thực sự may mắn</i> (trích <i>Chuyện con mèo dạy hải âu bay</i>, Lu-i Xe-pun-ve-da) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Miêu tả nhân vật trong truyện kể ■ Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB. ■ Nếu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra. ■ Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu. ■ Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. ■ Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. ■ Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.
<p>4. QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU</p>	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ VB 1: <i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i> ■ VB 2: <i>Chuyện cổ nước mình</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ) ■ VB 3: <i>Cây tre Việt Nam</i> (Thép Mới) ■ VB thực hành đọc: <i>Hành trình của bầy ong</i> (Nguyễn Đức Mậu) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Thơ lục bát ■ Lục bát biến thể ■ Từ đồng âm và từ đa nghĩa ■ Hoán dụ 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB. ■ Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ. ■ Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát. ■ Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống. ■ Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.
<p>5. NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ</p>	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ VB 1: <i>Cô Tô</i> (trích, Nguyễn Tuân) ■ VB 2: <i>Hang Én</i> (Hà My) ■ VB 3: <i>Cửu Long Giang ta ơi</i> (trích, Nguyễn Hồng) ■ VB thực hành đọc: <i>Nghìn năm tháp Khương Mỹ</i> (Lam Linh) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Kí ■ Du ký ■ Dấu ngoặc kép 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du ký. ■ Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt). ■ Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. ■ Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến. ■ Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

TẬP HAI

Ngữ văn 6, tập hai có 5 bài học, trong đó 4 bài được thiết kế theo hệ thống chủ đề với các VB thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích và loại VB nghị luận, VB thông tin: bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng*; bài 7. *Thế giới cổ tích*; bài 8. *Khác biệt và gần gũi*; bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Bài 10. *Cuốn sách tôi yêu* được thiết kế theo hình thức dự án học tập. Ngoài ra, còn có *Bảng tra cứu thuật ngữ*, *Giải thích một số thuật ngữ* và *Bảng tra cứu các yếu tố Hán Việt* đặt ở cuối sách.

Sự phối hợp, thống nhất giữa yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học được cụ thể hóa trong 5 bài học của sách *Ngữ văn 6*, tập hai như sau:

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
6. CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ VB 1: <i>Thánh Gióng</i> ■ VB 2: <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> ■ VB 3: <i>Ai ơi mồng 9 tháng 4 (Anh Thủ)</i> ■ VB thực hành đọc: <i>Bánh chưng, bánh giầy</i> <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Truyền thuyết ■ Một số yếu tố của truyền thuyết ■ VB thông tin thuật lại một sự kiện ■ Dấu chấm phẩy 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đề của VB. ■ Nhận biết được VB thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai VB thông tin theo trật tự thời gian. ■ Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp). ■ Bước đầu biết viết VB thông tin thuật lại một sự kiện. ■ Kể được một truyền thuyết. ■ Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.
7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ VB 1: <i>Thạch Sanh</i> ■ VB 2: <i>Cây khế</i> ■ VB 3: <i>Vua chích choè</i> ■ VB thực hành đọc: <i>Sọ Dừa</i> <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Truyền cổ tích ■ Một số yếu tố của truyện cổ tích 	<ul style="list-style-type: none"> ■ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo. ■ Nhận được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. ■ Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn. ■ Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe. ■ Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích. ■ Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động. ■ Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.

<p>8. KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI</p>	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ VB 1: <i>Xem người ta kia!</i> (Lạc Thanh) ▪ VB 2: <i>Hai loại khác biệt</i> (Gióng-mi Mun) ▪ VB 3: <i>Bài tập làm văn</i> (trích Nhóc Ni-cô-la: <i>những chuyện chưa kể</i>, Rơ-nê Gô-xi-nhi viết lời và Giăng-giắc Xăng-pê vẽ tranh) ▪ VB thực hành đọc: <i>Tiếng cười không muốn nghe</i> (Minh Đăng) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ VB nghị luận ▪ Các yếu tố cơ bản trong VB nghị luận ▪ Trạng ngữ ▪ Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của VB 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. ▪ Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn. ▪ Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. ▪ Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa. ▪ Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. ▪ Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác. ▪ Sống trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.
<p>9. TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG</p>	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ VB 1: <i>Trái Đất – cái nôi của sự sống</i> (Hồ Thanh Trang) ▪ VB 2: <i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> (Ngọc Phú) ▪ VB 3: <i>Trái Đất</i> (Ra-xun Gam-da-tốp) ▪ VB thực hành đọc: <i>Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?</i> (Nguyễn Quang Riệu) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ VB ▪ Đoạn văn trong VB ▪ Các yếu tố và cách triển khai của VB thông tin ▪ VB đa phương thức ▪ Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một VB thông tin có nhiều đoạn. ▪ Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của VB; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và hiểu được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,... ▪ Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp. ▪ Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số VB đơn giản đã đọc. ▪ Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất. ▪ Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

<p>10. CUỐN SÁCH TÔI YÊU</p>	<p>Ngữ liệu VB: Nhà thơ Lò Ngân Sơn – người con của núi (Minh Khoa)</p> <p>Tri thức ngữ văn VB nghị luận văn học</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển kỹ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học. ▪ Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học. ▪ Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. ▪ Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc. ▪ Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.
-------------------------------------	--	---

3.2. Cấu trúc bài học

– Mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 6* được thiết kế trong khoảng 12 – 16 tiết. Các bài đều có cấu trúc thống nhất, trừ bài 10. *Cuốn sách tôi yêu* có mạch riêng và thời gian tổ chức hoạt động dạy học khoảng 8 tiết. Các bài học trong *Ngữ văn 6* được tổ chức theo mạch hoạt động chính gồm các phần: *Đọc – Viết – Nói và nghe*.

Ngữ văn 6 thiết kế phần mở đầu nhằm giúp GV và HS nắm được định hướng chung và yêu cầu của bài học, tạo cảm hứng khám phá bài học, đồng thời trang bị cho HS một số tri thức ngữ văn, chủ yếu là kiến thức về thể loại, loại VB của các VB đọc chính, để các em có công cụ đọc hiểu VB một cách hiệu quả, sau đó vận dụng vào việc tạo lập VB⁽¹⁾. Cụ thể, phần mở đầu này bao gồm:

- + Tên bài: Tên bài thể hiện phần nào chủ đề của bài học, gợi mở đề tài và nội dung của các VB.
- + Đề từ: Nêu một quan niệm có tính triết lí hoặc gợi liên tưởng, cảm hứng có liên quan đến chủ đề của bài học.
- + Giới thiệu bài học: Trình bày rõ chủ đề, thông điệp và thể loại, loại VB chính của bài học.
- + Yêu cầu cần đạt: Xác định yêu cầu đối với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt; yêu cầu về phẩm chất của người học.
- + Tri thức ngữ văn: Trang bị các khái niệm công cụ giúp HS thực hiện các hoạt động học tập trong bài học.
 - Mạch nội dung chính của các bài học bám sát yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Những yêu cầu cần đạt này được lựa chọn, sắp xếp vào các hoạt động chính của mỗi bài học.
 - Đọc: Mỗi bài học có 3 VB đọc hiểu có chung chủ đề do bài học quy định, trong đó có 2 VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính được học trong bài, VB 3 kết nối với VB 1 và VB 2 về chủ đề, đề tài, nhưng khác về thể loại, loại VB. Mạch kiến thức tiếng Việt được phân bố trong phần *Thực hành tiếng Việt*, thường được đặt sau VB 1 và VB 2, đôi khi sau VB 3 do yêu cầu ngữ liệu phù hợp với vấn đề tiếng Việt cần thực hành.

(1) Lưu ý: Trong *Tri thức ngữ văn* có kiến thức về tiếng Việt. Tuy nhiên, những kiến thức tiếng Việt này chỉ nên cung cấp cho HS ngay trước khi các em thực hành tiếng Việt, chứ không phải trước khi đọc VB để tránh tình trạng HS phải học quá nhiều kiến thức lí thuyết cùng một lúc mà không được vận dụng ngay.

VB 1: Hoạt động đọc hiểu VB thuộc thể loại, loại VB chính.

Thực hành tiếng Việt: vận dụng vào việc đọc hiểu VB, sau đó là viết, nói và nghe.

VB 2: Hoạt động đọc hiểu VB thuộc thể loại, loại VB chính.

Thực hành tiếng Việt: vận dụng vào việc đọc hiểu VB, sau đó là viết, nói và nghe.

VB 3: Hoạt động đọc hiểu hướng chủ yếu vào nội dung, chủ đề của VB. Việc đưa VB 3 có nội dung thuộc chủ đề bài học, nhưng thường khác thể loại, loại VB với VB 1 và VB 2 vừa làm cho bài học sinh động, tránh được cái “khung cứng” của thể loại, loại VB vừa giúp HS thấy được các VB thuộc những thể loại, loại VB khác nhau có thể gần gũi về nội dung, chủ đề, nhưng được thể hiện theo những cách khác nhau.

+ Viết: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước.

+ Nói và nghe: Thực hành để phát triển kĩ năng trình bày, thuyết trình, thảo luận; chú ý tăng cường kĩ năng tương tác cho HS.

+ Củng cố, mở rộng: Luyện tập, củng cố một số kĩ năng và ôn lại những kiến thức chính trong bài học.

+ Thực hành đọc: VB đọc thuộc cùng thể loại, loại VB với các VB đọc chính và có nội dung thuộc phạm vi đề tài của bài học. Với việc đưa VB thực hành đọc vào cuối mỗi bài học, *Ngữ văn 6* tạo cho HS cơ hội vận dụng kĩ năng đọc hiểu VB theo thể loại, loại VB và huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm từ việc đọc các VB trước trong bài học để thực hành tự đọc VB. Trước mỗi VB dùng cho thực hành đọc, sách có một số gợi ý để HS có định hướng tự đọc VB hiệu quả hơn. Ngoài gợi ý của sách, GV cũng có thể có một số hỗ trợ nếu cần.

Khác với tất cả các bài trong *Ngữ văn 6*, bài cuối cùng (*Cuốn sách tôi yêu*) dành cho những hoạt động trải nghiệm, tích hợp liên môn: Ngữ văn, Mĩ thuật,... Các hoạt động thiết kế trong bài học này tạo cơ hội cho HS vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng được tích luỹ trong năm học để đọc mở rộng, viết sáng tạo và trình bày, giới thiệu trên cơ sở các sản phẩm đã thực hiện được trong quá trình đọc và viết.

- Như vậy, khác với SGK *Ngữ văn 6* theo chương trình năm 2006, SGK *Ngữ văn 6* không thiết kế bài học theo các “phân môn” (Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn) mà theo các hoạt động giao tiếp cơ bản: đọc, viết, nói và nghe. Chuyển từ cấu trúc bài học theo phân môn sang cấu trúc bài học theo các hoạt động giao tiếp là sự thay đổi rất căn bản trong mô hình SGK mới so với SGK theo mô hình truyền thống.